

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33 / 2023/DS - ST

Ngày: 02 - 6 - 2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Thiện

Ông Đỗ Viết Hoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Ông Đỗ Tiến Dũng - KSV.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST - DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 3 năm 2023; Quyết định tạm hoãn phiên tòa số 14 /2023/QĐST-DS ngày 19/4/2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 01 ngày 31/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TH mại cổ phần Đ (SeABank)

Địa chỉ: số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận H, thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1990

Chuyên viên xử lý nợ địa bàn Miền Trung Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: 19 Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, thành phố T. có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: khu 8 (cũ) Thị trấn T, huyện T, T (Nhà ông T)

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trí T, sinh năm 1971; vắng mặt

Nơi ĐKKHKT: xóm 3, xã Xuân Hồng, huyện T, T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Trí B, sinh năm 1964; Có mặt

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Vắng mặt

Đều trú tại: khu 9 (cũ) thị trấn T, huyện T, T

3. Ông Lê Ngọc B1, sinh năm 1974; Có mặt

4. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975; Vắng mặt
Đều trú tại: khu 8 (cũ) thị trấn T, huyện T, T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là ông Nguyễn Tuấn L trình bày:

- Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 2021700245/HDTDTHM-BL ngày 08/9/2020 và các Phụ lục cùng các giấy nhận nợ kèm theo. Tổng số tiền SeABank đã giải ngân cho Công ty T là 4.182.500.000 đồng.

- Hợp đồng hạn mức thấu chi số 2021700246/HĐHMTTC ngày 08/9/2020 và các phụ lục kèm theo: Tổng số tiền SeABank đã giải ngân cho Công ty T là 500.000.000 đồng.

- Hợp đồng hạn mức thẻ số HĐHMTD-THE ngày 22/5/2020: Số tiền Công ty T đã sử dụng và chi tiêu theo hợp đồng là 299.921.897 đồng.

Công ty TNHH T đã thế chấp 04 thửa đất để làm tài sản thế chấp. Tài sản được đăng ký giao dịch B1 đảm theo quy định pháp luật.

Tính đến ngày 01/6/2023, Công ty TNHH T đã trả cho SeABank 344.210.750 đồng. Số tiền còn nợ là 5.694.589.079 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 20211700245/HDTDTHM-BL ngày 08/9/2020: Nợ gốc 4.171.182.132 đồng, lãi trong hạn 181.129.995 đồng, lãi quá hạn 385.601.232 đồng, phạt lãi chậm trả: 13.324.749 đồng. Tổng 4.751.238.108 đồng;

- Hợp đồng hạn mức thấu chi số 2021700246/HĐHMTTC ngày 08/9/2020: Nợ gốc 500.000.000đ, lãi trong hạn: 0 đồng, lãi quá hạn 73.873.968 đồng, phạt lãi chậm trả: 0 đồng. Tổng 573.873.968 đồng;

- Hợp đồng hạn mức thẻ số HĐHMTD-THE ngày 22/5/2020: Nợ gốc 300.000.000đ, lãi trong hạn 20.643.472 đồng, lãi quá hạn 48.833.531 đồng, phạt lãi chậm trả: 0 đồng. Tổng 369.477.003 đồng;

Nay Ngân Hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án:

1. Buộc Công ty TNHH T mà đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Trí T trả nợ gồm: Gốc: 4971.182,132đ; Lãi tạm tính đến ngày 02/6/2023: 723406947 đồng; Tổng gốc và lãi là : 5.694.589.079đ.

2. Buộc Công ty TNHH T mà đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Trí T phải tiếp tục trả lãi tính theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 2021700245/HDTDTHM-BL ngày 08/9/2020 và lãi phát sinh đến ngày thanh toán hết nợ.

3. Trường hợp Công ty TNHH T mà đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Trí T không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ cho Ngân Hàng TMCP Đ thì đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại để xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản nêu trên không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T tại Ngân hàng TMCP Đ, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn thu nhập hợp pháp khác của ông T để thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T tại Ngân hàng TMCP Đ.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Nguyễn Trí T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th vắng mặt tại địa pH. Tòa án đã niêm yết tại gia đình ông T, bà Nguyễn Thị Th và Trụ sở UBND xã Xuân Hồng, UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh T; Đăng trên Báo nhân dân các ngày 17/02, ngày 18/02, ngày 19/02 năm 2023; trên Đài Tiếng nói Việt Nam vào 17h30 các ngày 20,21,22/02/2023 các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên ông Nguyễn Trí T, bà Nguyễn Thị Th vắng mặt tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và trong phiên tòa ngày 19/4/2023.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th cũng vắng mặt tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và trong phiên tòa ngày 19/4/2023.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong tố tụng dân sự:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Ngày 10/10/2023 Tòa án nhân dân huyện T đã nhận tài liệu và các chứng cứ kèm theo của nguyên đơn nhưng đến ngày 31/10/2022 Thẩm phán mới thông báo nộp án phí và vi phạm khoản 1 Điều 195 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhiều lần không có lý do.

II. VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Xét thấy đây là vụ án Kinh doanh tH mại về Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đ (SeABank) và công ty TNHH T về việc vay các hợp đồng tín dụng vào mục đích kinh doanh gồm:

- Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 2021700245/HDTDTM-BL ngày 08/9/2020 và các Phụ lục cùng các giấy nhận nợ kèm theo. Tổng số tiền SeABank đã giải ngân cho Công ty T là 4.182.500.000 đồng.

- Hợp đồng hạn mức thấu chi số 2021700246/HĐHMTTC ngày 08/9/2020 và các phức lục kèm theo: Tổng số tiền SeABank đã giải ngân cho Công ty T là 500.000.000 đồng.

- Hợp đồng hạn mức thẻ số HĐHMTD-THE ngày 22/5/2020: Số tiền Công ty T đã sử dụng và chi tiêu theo hợp đồng là 299.921.897 đồng.

Công ty TNHH T đã thế chấp 04 thửa đất để làm tài sản thế chấp. Tài sản được đăng ký giao dịch B1 đảm theo quy định pháp luật.

Tính đến ngày 01/6/2023, Công ty TNHH T đã trả cho SeABank 344.210.750 đồng. Số tiền còn nợ là 5.694.589.079 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 20211700245/HDTDTHM-BL ngày 08/9/2020: Nợ gốc 4.171.182.132 đồng, lãi trong hạn 181.129.995 đồng, lãi quá hạn 385.601.232 đồng, phạt lãi chậm trả: 13.324.749 đồng. Tổng 4.751.238.108 đồng;

- Hợp đồng hạn mức thấu chi số 2021700246/HĐHMTTC ngày 08/9/2020: Nợ gốc 500.000.000đ, lãi trong hạn: 0 đồng, lãi quá hạn 73.873.968 đồng, phạt lãi chậm trả: 0 đồng. Tổng 573.873.968 đồng;

- Hợp đồng hạn mức thẻ số HĐHMTD-THE ngày 22/5/2020: Nợ gốc 300.000.000đ, lãi trong hạn 20.643.472 đồng, lãi quá hạn 48.833.531 đồng, phạt lãi chậm trả: 0 đồng. Tổng 369.477.003 đồng;

Ngân hàng SeABank yêu cầu TAND huyện T giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH T phải trả nợ cho ngân hàng SeABank tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 01/6/2023 là 5.694.589.079 đồng (bao gồm 4.971.182.132 đồng nợ gốc; Lãi trong hạn 201.773.467 đồng; Lãi quá hạn 508.308.731 đồng; Phạt lãi chậm trả 13.324.749 đồng);

- Buộc Công ty TNHH T tiếp tục thanh toán cho ngân hàng SeABank các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa Th tại các hợp đồng: Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 20211700245/HDTDTHM-BL ngày 08/9/2020 và các Phức lục cùng các giấy nhận nợ kèm theo; Hợp đồng hạn mức thấu chi số 2021700246/HĐHMTTC ngày 08/9/2020 và các phức lục kèm theo; Hợp đồng hạn mức thẻ số HĐHMTD-THE ngày 22/5/2020. Kể từ ngày 01/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Kể từ ngày quyết định, bản án có hiệu lực mà công ty TNHH T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền gốc, lãi phát sinh thì SeABank được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, bán, chuyển nhượng tài sản đảm B1.

- Trong trường hợp số tiền phát mại, thu hồi từ các tài sản đảm B1 vẫn không đủ trả nợ thì Công ty TNHH T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho SeABank cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 278, 280, 292, 293, 299, 303, 304, 317, 318, 323, 353, 357, 463, 466, 468 của [Bộ luật Dân sự](#); Các Điều 91, 95 của [Luật Tổ chức tín dụng](#); Điều 183 của [Luật Doanh nghiệp năm 2014](#); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ (SeABank). Buộc công ty Trách nhiệm hữu hạn T có trách nhiệm về trả cho Ngân hàng TMCP Đ (SeABank) tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 01/6/2023 là 5.694.589.079 đồng (bao gồm 4.971.182.132 đồng nợ gốc; Lãi trong hạn 201.773.467 đồng; Lãi quá hạn 508.308.731 đồng; Phạt lãi chậm trả 13.324.749 đồng).

Kể từ ngày 01/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu các khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả Th trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả Th về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Đ thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Đ.

Trường hợp Công ty T không có khả năng thi hành án hoặc thi hành án không đủ cho Ngân hàng TMCP Đ như bản án đã tuyên thì tài sản thế chấp theo 04 hợp đồng thế chấp gồm:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2021700245/HĐTC/01. Số công chứng 6105, Quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/11/2020 tại Văn phòng công chứng Tân Hoàng Gia được ký kết giữa SeABank – Chi nhánh T và ông bà Lê Ngọc B1, Nguyễn Thị Th.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Số công chứng 6557, Quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/12/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Hoàng Gia được ký kết giữa SeABank – Chi nhánh T và ông bà Nguyễn Trí B, Nguyễn Thị H.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Số công chứng 6557, Quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/12/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Hoàng Gia được ký kết giữa SeABank – Chi nhánh T và ông bà Nguyễn Trí B, Nguyễn Thị H.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Số công chứng 6557, Quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/12/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Hoàng Gia được ký kết giữa SeABank – Chi nhánh T và ông bà Nguyễn Trí B, Nguyễn Thị H.

Các hợp đồng thế chấp được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ (SeABank) và Công ty TNHH T sẽ được kê biên phát mãi để thi hành án xong nợ cho Ngân hàng TMCP Đ (SeABank) theo quy định của pháp luật.

Buộc Công ty TNHH T phải nộp án phí Kinh doanh tH mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1].Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án đại diện bị đơn là ông Nguyễn Trí T đã bỏ đi khỏi địa pH. Tòa án đã tiến hành niêm yết, đăng Báo, Đài các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Trí T và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: Bà Nguyễn Thị H, Bà Nguyễn Thị Th, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn và Người có quyền lợi Nghĩa vụ liên quan.

Đại diện theo pháp luật của Nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn Linh; có mặt tại phiên tòa

[2]. Về Nội dung: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TH mại cổ phần Đ và Công ty TNHH T là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Hợp đồng có thời hạn, có lãi suất theo quy định tại các Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 3; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả nợ toàn bộ số tiền gốc và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số: 202117000245/HDTDTHM-BL ngày 08/9/2020 và các Phụ lục và các giấy nhận nợ kèm theo thì thấy rằng: Qua xem xét Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa ngân hàng TH mại cổ phần Đ và ông Nguyễn Trí T thì hình thức và nội dung các điều khoản cam kết trong hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật. Tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện. Sau khi ký kết Hợp đồng bên vay đã nhận đủ tiền theo hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay đã trả được với số tiền gốc đến ngày 02/6/2023, Công ty TNHH T chuyển về Ngân Hàng số tiền 344210150 đồng, Gốc đã trả 11.317.868 đồng, lãi đã trả 332.892.882 đồng.

Tính đến ngày 02/6/2023, Công ty TNHH T còn phải trả Ngân hàng TMCP Đ, số tiền: 5.694.589.079 đồng, trong đó nợ gốc đã quá hạn: 4.971182.132 đồng, nợ lãi: 723.408.947 đồng.

Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, theo thời hạn cam kết trong hợp đồng tín dụng phía bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng thời hạn trả nợ lãi suất tiền vay theo phân kỳ, kể từ ngày 22/9/2022 đến nay. Ngay từ khi khoản vay chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP Đ đã làm việc với khách hàng, gửi thông báo thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng khách hàng đều cố tình không thực hiện và có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ trả nợ; Ngân hàng TMCP Đ đã gửi Thông báo cho khách hàng cụ thể như sau:

Ngày 29/6/2022, Ngân hàng TMCP Đ có Thông báo nợ đến hạn vào ngày 05/7/2022. Ngày 11/7/2022, Ngân hàng có thông báo thu hồi nợ trước hạn. Do Công ty TNHH T mà ông Nguyễn Trí T là đại diện vi phạm hợp đồng tín dụng, không trả lãi phân kỳ vào ngày 22/5/2022, dẫn đến toàn bộ dư nợ gốc đã quá hạn

và thu hồi nợ trước hạn, nhưng ông T không thực hiện tất toán khoản vay theo thông báo.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T không trả nợ gốc và lãi cho Ngân Hàng theo phân kỳ theo hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa Th tại Hợp đồng tín dụng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã bỏ đi khỏi địa pH. Tòa án đã tổng đạt văn bản hợp lệ và thông báo nhắn tin đến Báo Nhân dân, Đài Tiếng nói Việt Nam nhắn tin đến anh T để tham gia tố tụng. Báo Nhân Dân đã đăng tin liên tiếp vào các ngày 17,18,19/2/2023. Đài Tiếng nói Việt Nam vào 17h30 các ngày 20,21,22/02/2023 nhưng ông T không đến Tòa án làm việc, trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Vì vậy có đủ căn cứ kết luận: Công ty TNHH T mà đại diện là Ông Nguyễn Trí T còn nợ Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh T (SeABank) theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 02/6/2023, gồm: Nợ gốc quá hạn: 4.971.182.132đ; Nợ tiền lãi: 723.406.947đ; Tổng gốc và lãi là: 5.694.589.079 đ (Năm tỷ sáu trăm chín mươi tư triệu năm trăm T chín nghìn không trăm B chín) đồng

Như vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn tiếp tục trả nợ gốc, nợ lãi và phí phát sinh kể từ ngày 02/6/2023 cho đến khi trả hết nợ là phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp thì thấy rằng: Để đảm B1 cho khoản tiền vay theo Hợp đồng cho vay số 2021700245 ngày 08/9/2020 đã được đăng ký giao dịch đảm B1 theo quy định; Các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa Th trong hợp đồng phù hợp pháp luật và đạo đức xã hội.

Tài sản thế chấp là:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2021700245/HĐTC/01. Sổ công chứng 6105, Quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/11/2020 tại Văn phòng công chứng Tân Hoàng Gia được ký kết giữa SeABank – Chi nhánh T và ông bà Lê Ngọc B1, Nguyễn Thị Th.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Sổ công chứng 6557, Quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/12/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Hoàng Gia được ký kết giữa SeABank – Chi nhánh T và ông bà Nguyễn Trí B, Nguyễn Thị H.

Căn cứ Điều 4 về xử lý tài sản thế chấp của Hợp đồng thế chấp ngày 09/02/2018 và Điều 299, Điều 303 BLDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp. Do đó nếu ông Công ty TNHH T mà ông Nguyễn Trí T là đại diện không thanh toán được các khoản nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản nêu trên không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T tại Ngân hàng TMCP Đ, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn thu nhập hợp pháp

khác của Công ty TNHH T để thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ của ông T tại Ngân hàng TMCP Đ.

[3]. Về án phí: Công ty TNHH T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; Điều 92; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 299, 303, Điều 351, Điều 357, Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đối với yêu cầu Công ty TNHH T trả nợ tiền gốc và lãi.

- Buộc Công ty TNHH T có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ, tính đến ngày 02/6/2023 số tiền nợ gốc: 4.971.182.132 đồng; Nợ lãi: 723.406.947 đồng. Tổng cộng là: 5.694.589.079 đồng (Năm tỷ sáu trăm chín mươi tư triệu năm trăm T mươi chín nghìn không trăm B chín đồng).

Công ty TNHH T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa Th trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 03/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

2. Trong trường hợp Công ty TNHH T không trả được nợ thì tài sản thế chấp là: - Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2021700245/HĐTC/01. Số công chứng 6105, Quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/11/2020 tại Văn phòng công chứng Tân Hoàng Gia được ký kết giữa SeABank – Chi nhánh T và ông bà Lê Ngọc B1, Nguyễn Thị Th.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Số công chứng 6557, Quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/12/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Hoàng Gia được ký kết giữa SeABank – Chi nhánh T và ông bà Nguyễn Trí B, Nguyễn Thị H.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Số công chứng 6557, Quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/12/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Hoàng Gia được ký kết giữa SeABank – Chi nhánh T và ông bà Nguyễn Trí B, Nguyễn Thị H.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Số công chứng 6557, Quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/12/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Hoàng Gia được ký kết giữa SeABank – Chi nhánh T và ông bà Nguyễn Trí B, Nguyễn Thị H. được xử lý theo quy định pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản nêu trên không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T tại Ngân hàng TMCP Đ, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn thu nhập hợp pháp khác của Công ty TNHH T mà đại diện là ông Nguyễn Trí T để thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ của ông T tại Ngân hàng TMCP Đ.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc Công ty TNHH T chịu toàn bộ án phí tranh chấp về kinh doanh TH mại có giá ngạch là 113.694.589đ (Một trăm mười ba triệu sáu trăm chín tư nghìn năm trăm T chín đồng)

Trả lại cho ngân hàng TMCP Đ số tiền: 56.576.803đ (Năm mươi sáu triệu năm trăm B mươi sáu nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2021/0014426 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ, người đại diện là ông Nguyễn Tuấn L, ông Lê Ngọc B1, ông Nguyễn Trí B được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, công ty TNHH T, đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Trí T; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt là bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện T
- Các Đường sự
- Thi hành án DS huyện T
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Hồng Đ

Căn cứ khoản 1 điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc Ông Trần Ngọc Mạnh chịu chi phí thẩm định 5.000.000đ (ông Trần Ngọc Mạnh phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam số tiền chi phí thẩm định là 5.000.000đ) và án phí DSST có giá ngạch là 19.211.460đ.

Trả lại cho ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam số tiền 7.400.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2019/0006250 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam; Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Ngọc Mạnh được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đăng Thiện

Nguyễn Văn Sâm

Cao Hồng Đức